

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên trường: Trường THCS Liên Ninh
- Địa chỉ: Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.36864493  
Email: [c2lienninh-tt@hanoiedu.vn](mailto:c2lienninh-tt@hanoiedu.vn)

Website: <https://thcslienninh.hanoi.edu.vn>

- Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Thanh Trì

- Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

- Sứ mệnh: Xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, hiện đại, thân thiện và tạo mọi điều kiện để học sinh được học tập, rèn luyện và phát triển các năng lực cá nhân về trí tuệ, tính độc lập sáng tạo và khả năng hợp tác, thích ứng.

- Tầm nhìn: Trường THCS Liên Ninh là cơ sở giáo dục có uy tín của ngành GD&ĐT huyện Thanh Trì, giáo dục học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, tiên tiến, có nhân cách và trí tuệ thời đại, có khả năng thích ứng nhanh và có tinh thần hợp tác, năng động, đoàn kết và sáng tạo.

- Giá trị cốt lõi:

Giáo viên: “Mỗi CBGV, NV hiểu và làm tốt công việc của mình”.

Học sinh: Thực hiện tốt phương châm trường THCS Liên Ninh: “Năng động - Thân thiện - Sáng tạo”.

- Mục tiêu: Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường, duy trì kiểm định mức độ 2.

- Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Liên Ninh được thành lập tháng 3/1961, năm 2010 được công nhận trường chuẩn Quốc gia và được công nhận lại năm 2016, 2022. Trường có diện tích 9675,4m<sup>2</sup> gồm 28 phòng học, 07 phòng chức năng; khối phòng phục vụ học tập gồm 06 phòng. Tổng số CBGV, NV là 77 đồng chí, trong đó 98,7% đạt chuẩn và trên chuẩn; số học sinh toàn trường là 1359 em. Trường có bề dày thành tích: liên tục đạt danh hiệu “**Tập thể lao động xuất sắc**”, được Chủ tịch nước tặng thưởng “**Huân chương Lao động hạng Nhì**”, được tặng Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen của UBND thành phố và nhiều Bằng

khen, Giấy khen; được Ban Thi đua - Khen thưởng huyện Thanh Trì, Phòng GDĐT huyện Thanh Trì ghi nhận là **“Đơn vị điển hình trong các phong trào thi đua”**; Công đoàn được tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen; Đội TNTP HCM đạt danh hiệu **“Liên đội mạnh cấp Trung ương”**, đơn vị tiên tiến về Thể dục thể thao (TDTT) cấp huyện, Thành phố.

Trải qua chặng đường 63 năm xây dựng và phát triển, trường THCS Liên Ninh đã từng bước trưởng thành, khẳng định vị thế của mình trong ngành Giáo dục và Đào tạo Thanh Trì - một ngôi trường có bề dày truyền thống dạy tốt, học tốt và là địa chỉ đáng tin cậy của con em xã Liên Ninh và các xã lân cận.

7. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Phạm Thị Bích Hạnh
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0973715452

a. Tổ chức bộ máy

| STT | Số văn bản     | Ngày        | Cơ quan ban hành      | Trích yếu                                                                                                  |
|-----|----------------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 684/QĐ-UB      | 14/09/1996  | UBND Huyện Thanh Trì  | Quyết định đổi tên trường học                                                                              |
| 2   | 4092/QĐ-UBND   | 30/07/2024  | UBND Huyện Thanh Trì  | Quyết định điều động, bổ nhiệm CBQL (Đ.c Hạnh - Hiệu trưởng)                                               |
| 3   | 1837/QĐ-CTUBND | 24/05/2022  | UBND Huyện Thanh Trì  | Quyết định điều động, bổ nhiệm CBQL (Đ.c Huyền - Phó Hiệu trưởng)                                          |
| 4   | 89/QĐ-UBND     | 11/01/2023  | UBND Huyện Thanh Trì  | Quyết định bổ nhiệm CBQL (Đ.c Tình - Phó Hiệu trưởng)                                                      |
| 5   | 5158/QĐ-UBND   | 01/10//2024 | UBND Huyện Thanh Trì  | Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS nhiệm kì 2020 - 2025                                     |
| 6   | 145/KH-THCSLN  | 12/08/2024  | Trường THCS Liên Ninh | Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 |
| 7   | 174/QĐ-THCSLN  | 10/10/2024  | Trường THCS Liên Ninh | Quyết định về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường THCS Liên Ninh            |

## II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

a. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

| BIÊN CHẾ        | CBQL | GIÁO VIÊN | NHÂN VIÊN | TỔNG |
|-----------------|------|-----------|-----------|------|
| Số lượng        | 3    | 61        | 9         | 73   |
| Nữ              | 3    | 52        | 5         | 60   |
| Đảng viên       | 3    | 35        | 6         | 44   |
| TĐCM đạt chuẩn  | 1    | 58        | 7         | 66   |
| TĐCM trên chuẩn | 2    | 2         |           | 4    |

| STT              | Đội ngũ        | Đạt chuẩn nghề nghiệp<br>Năm 2024 | Năm 2023    |
|------------------|----------------|-----------------------------------|-------------|
| 1                | Cán bộ quản lý | 03 - 100%                         | 100%        |
| 2                | Giáo viên      | 61 - 100%                         | 100%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                | <b>64 - 100%</b>                  | <b>100%</b> |

b. Bồi dưỡng hàng năm

| STT              | Đội ngũ        | Hoàn thành bồi dưỡng<br>Năm 2024 | Năm 2023    |
|------------------|----------------|----------------------------------|-------------|
| 1                | Cán bộ quản lý | 03 - 100%                        | 100%        |
| 2                | Giáo viên      | 61 - 100%                        | 100%        |
| 3                | Nhân viên      | 09 - 100%                        | 100%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                | <b>73 - 100%</b>                 | <b>100%</b> |

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

b. Thiết bị dạy học

Máy tính: 49 bộ

Máy chiếu: 32 bộ

Và các trang thiết bị khác phục vụ công tác dạy và học.

c. Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng từ năm học 2024 - 2025

| TT | Môn                 | Tên bộ sách đề xuất lựa chọn   |
|----|---------------------|--------------------------------|
| 1. | Ngữ văn 9           | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 2. | Toán 9              | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 3. | Khoa học tự nhiên 9 | Cánh diều                      |
| 4. | Lịch sử & Địa lý 9  | Chân trời sáng tạo             |
| 5. | Giáo dục công dân 9 | Chân trời sáng tạo             |

|     |                                         |                                                 |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 6.  | Tiếng Anh 9                             | Kết nối tri thức với cuộc sống (Global Success) |
| 7.  | Âm nhạc 9                               | Cánh diều                                       |
| 8.  | Mỹ thuật 9                              | Chân trời sáng tạo 1                            |
| 9.  | Tin học 9                               | Kết nối tri thức với cuộc sống                  |
| 10. | Công nghệ 9                             | Kết nối tri thức với cuộc sống                  |
| 11. | Giáo dục thể chất 9                     | Kết nối tri thức với cuộc sống                  |
| 12. | Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống                  |

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

| TT | Số văn bản          | Ngày       | Cơ quan ban hành                 | Mức độ đạt kiểm định                       |
|----|---------------------|------------|----------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | QĐ số 1819/QĐ-SGDĐT | 31/12/2021 | Sở Giáo dục và Đào tạo TP Hà Nội | Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 |

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 1. Chất lượng học sinh

##### 1.1. Xếp loại rèn luyện:

| Khối        | Số HS       | Tốt         |             | Khá       |            | Đạt      |          | Chưa đạt |          |
|-------------|-------------|-------------|-------------|-----------|------------|----------|----------|----------|----------|
|             |             | SL          | TL%         | SL        | TL%        | SL       | TL%      | SL       | TL%      |
| 6           | 369         | 351         | 95.1        | 18        | 4.9        | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 7           | 419         | 408         | 97.4        | 11        | 2.6        | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 8           | 306         | 283         | 92.5        | 23        | 7.5        | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 9           | 266         | 260         | 97.7        | 6         | 2.3        | 0        | 0        | 0        | 0        |
| <b>Tổng</b> | <b>1360</b> | <b>1302</b> | <b>95.7</b> | <b>58</b> | <b>4.3</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

##### 1.2. Xếp loại học tập:

| Khối        | Số HS       | Tốt        |             | Khá        |             | Đạt        |             | Chưa đạt  |            |
|-------------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|-----------|------------|
|             |             | SL         | TL%         | SL         | TL%         | SL         | TL%         | SL        | TL%        |
| 6           | 369         | 170        | 46.0        | 119        | 32.2        | 69         | 18.7        | 11        | 3.0        |
| 7           | 419         | 186        | 44.4        | 141        | 33.6        | 82         | 19.5        | 10        | 2.4        |
| 8           | 306         | 118        | 38.5        | 100        | 32.7        | 72         | 23.5        | 16        | 5.2        |
| 9           | 266         | 99         | 37.2        | 84         | 31.6        | 79         | 29.7        | 4         | 1.5        |
| <b>Tổng</b> | <b>1360</b> | <b>573</b> | <b>42.1</b> | <b>444</b> | <b>32.6</b> | <b>302</b> | <b>22.2</b> | <b>41</b> | <b>3.0</b> |

##### 1.3. Kết quả tốt nghiệp THCS

Hội đồng xét tốt nghiệp THCS nhà trường đã tổ chức xét tốt nghiệp lần 1 cho 262/266 học sinh khối lớp 9 vào ngày 16/5/2025. Kết quả: 262 học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS lần 1 năm học 2024 - 2025, đạt 98,5%.

*1.4. Về chất lượng học sinh giỏi, HSNK:*

| Cấp           | Giải Nhất | Giải Nhì | Giải Ba | Giải KK | Tổng số   |
|---------------|-----------|----------|---------|---------|-----------|
| Cấp huyện     | 1         | 7        | 13      | 29      | <b>50</b> |
| Cấp thành phố | 0         | 1        | 2       | 2       | <b>5</b>  |

*1.5. Chất lượng học sinh thi vào lớp 10 THPT công lập (căn cứ kết quả HS thi vào lớp 10 THPT của năm học 2023-2024)*

| Môn       | Điểm trung bình | Điểm xét tuyển |
|-----------|-----------------|----------------|
| Ngữ Văn   | 7.71            | 36.43          |
| Toán      | 7.65            |                |
| Tiếng Anh | 5.7             |                |

Tỉ lệ đỗ so với thi sinh dự thi: 99.06%

Tỉ lệ đỗ so với HS tốt nghiệp: 74.47%

**2. Về chất lượng giáo viên**

*2.1. Chất lượng các giờ dạy tham gia Hội thi GVDG các cấp*

|           | SL GV tham gia | Số lượng giải đạt được |      |     |    |              |
|-----------|----------------|------------------------|------|-----|----|--------------|
|           |                | Xuất sắc               | Nhất | Nhì | Ba | Khuyến khích |
| Cấp huyện | 3              | 0                      | 03   | 0   | 0  | 0            |
| Cấp TP    | 1              | 0                      | 0    | 0   | 1  |              |

*2.2. Chất lượng các giờ dạy thi đua, kiểm tra đột xuất*

|                   | Tổng số giờ dự | Số lượng giờ được xếp loại |     |            |          |
|-------------------|----------------|----------------------------|-----|------------|----------|
|                   |                | Giỏi                       | Khá | Trung bình | Yếu, kém |
| Kiểm tra thi đua  | 5              | 5                          | 0   | 0          | 0        |
| Kiểm tra đột xuất | 0              | 0                          | 0   | 0          | 0        |

*2.3. Công tác bồi dưỡng nâng trình độ chuẩn cho giáo viên.*

| Tổng số<br>CB, GV | Số lượng đạt chuẩn và trên chuẩn<br>trình độ đào tạo |    |         |    | Số lượng chưa đạt chuẩn trình<br>độ đào tạo |                                   |                              | Ghi chú |
|-------------------|------------------------------------------------------|----|---------|----|---------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|                   | Cao học                                              |    | Đại học |    | Tổng số                                     | Đang<br>theo học<br>nâng<br>chuẩn | Chưa đi<br>học nâng<br>chuẩn |         |
|                   | CBQL                                                 | GV | CBQL    | GV |                                             |                                   |                              |         |
| 64                | 2                                                    | 2  | 1       | 58 | 1                                           | 1                                 | 0                            |         |

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH****THU, CHI TÀI CHÍNH**

| <b>TT</b>  | <b>Chỉ số thống kê</b>                                | <b>Năm báo cáo</b>    | <b>Năm trước liền kề<br/>năm báo cáo</b> |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>                             | <b>14.493.992.849</b> | <b>14.129.857.918</b>                    |
| <b>I</b>   | <b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b> | <b>8.289.605.000</b>  | <b>8.866.000.000</b>                     |
| <b>II</b>  | <b>Thu giáo dục và đào tạo</b>                        | <b>6.204.387.849</b>  | <b>5.263.857.918</b>                     |
| 1          | Học phí, lệ phí từ người học                          | 760.470.000           | 1.078.972.000                            |
| 2          | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                             | 0                     | 0                                        |
| 3          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                        | 0                     | 0                                        |
| 4          | Thu khác (thu sự nghiệp)                              | 5.443.917.849         | 4.184.885.918                            |
| <b>III</b> | <b>Thu khoa học và công nghệ</b>                      | <b>0</b>              | <b>0</b>                                 |
| 1          | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                             | 0                     | 0                                        |
| 2          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                        | 0                     | 0                                        |
| 3          | Thu khác                                              | 0                     | 0                                        |
| <b>IV</b>  | <b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>                       | <b>0</b>              | <b>0</b>                                 |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>                             | <b>14.346.008.287</b> | <b>13.476.786.749</b>                    |
| <b>I</b>   | <b>Chi lương, thu nhập</b>                            | <b>12.883.008.557</b> | <b>12.618.282.749</b>                    |
| 1          | Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp         | 11.772.389.809        | 10.320.274.211                           |
| 2          | Chi thu nhập khác                                     | 1.110.618.748         | 2.298.008.538                            |
| <b>II</b>  | <b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>                  | <b>1.462.999.730</b>  | <b>858.504.000</b>                       |
| 1          | Chi cho đào tạo                                       |                       |                                          |
| 2          | Chi cho nghiên cứu                                    |                       |                                          |
| 3          | Chi cho phát triển đội ngũ                            |                       |                                          |
| 4          | Chi phí chung và chi khác                             | 1.462.999.730         | 858.504.000                              |
| <b>III</b> | <b>Chi hỗ trợ người học</b>                           | <b>0</b>              | <b>0</b>                                 |
| 1          | Chi học bổng và hỗ trợ học tập                        | 0                     | 0                                        |

|           |                                    |                    |                    |
|-----------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 2         | Chi hoạt động nghiên cứu           | 0                  | 0                  |
| 3         | Chi hoạt động khác                 | 0                  | 0                  |
| <b>IV</b> | <b>Chi khác</b>                    | <b>0</b>           | <b>0</b>           |
| <b>C</b>  | <b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>          | <b>147.984.562</b> | <b>653.071.169</b> |
| <b>D</b>  | <b>SỐ DƯ CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH</b> | <b>147.984.562</b> | <b>653.071.169</b> |

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng Trường THCS Liên Ninh phát triển bền vững, tiên tiến hiện đại với những giá trị mới, thực tiễn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của thời kì hội nhập. “Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình”. Học sinh thực hiện tốt phương châm trường THCS Liên Ninh: “Năng động - Thân thiện - Sáng tạo”.

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh đạt được hiệu quả thực chất, vững vàng khi lên lớp trên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kĩ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn chung cả nước và có năng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Hà Nội, trung tâm phát triển của cả nước. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân. Có thể nói chất lượng giáo dục của nhà trường luôn phát triển bền vững, tạo được niềm tin trong cộng đồng và được Nhà nước công nhận.

- Chi bộ đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024.

- Các hoạt động văn hóa, TDTT,...Nhà trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, học tập, rèn luyện nên phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của nhà trường đã không ngừng phát triển. Trong những năm qua nhà trường đã đóng góp rất tích cực cho phong trào VH-TDTT Ngành GD&ĐT Huyện nói riêng và Huyện Thanh Trì nói chung; Liên tục được công nhận “Trường Tiên tiến về Thể dục thể thao”; năm học 2024 - 2025 được công nhận “Trường tiên tiến về Thể dục thể thao” cấp huyện.

Phong trào văn hóa, văn nghệ:

Tuyên truyền và thực hiện tích cực các phong trào thi đua, hoạt động văn nghệ, TDTT, chữ thập đỏ, hoạt động từ thiện.

Học sinh tham gia Hội thi Sứ giả du lịch đạt giải Nhì cấp huyện.

Học sinh tham gia thi TDTT cấp huyện đạt kết quả cao:

02 giải cờ vua, 03 giải wushu, 02 giải cầu lông, đội bóng đá đạt giải Ba, đội aerobic đạt giải Ba, đội kéo co nam; nữ đạt giải Ba.

01 cô giáo đạt giải Nhất Nhà giáo tâm huyết sáng tạo cấp huyện.

03 thầy cô giáo đạt giải Nhất Hội thi GVĐG cấp huyện.

- Phong trào viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm được cán bộ, giáo viên hưởng ứng tích cực. Các sáng kiến kinh nghiệm đều được đúc rút từ thực tế giảng dạy, có hiệu quả thiết thực. Nhà trường có kiểm tra sát sao, nghiêm túc đề chống việc sao chép, copy... Vì thế các sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng khoa học trường gửi lên Hội đồng khoa học cấp trên đều được đánh giá cao. Kết quả: có 62 SKKN cấp trường, 18 SKKN được công nhận cấp huyện.

- Năm học 2024 - 2025, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao và được các cấp ghi nhận khen thưởng.

Kết quả đánh giá xếp loại viên chức năm học 2024 - 2025: 12 đ.c hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 44 đ.c hoàn thành tốt nhiệm vụ.

41 đ.c đạt lao động tiên tiến cấp trường, 15 đồng chí đạt CSTĐ cấp cơ sở.

- Xây dựng thư viện điện tử với nhiều tư liệu phong phú, thu hút đông đảo bạn đọc.

- Tổ chức tốt các ngày lễ lớn, HĐTT, HĐ ngoại khóa.

**Nơi nhận:**

- Website trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thị Bích Hạnh**